

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)

Mã thành viên: 103

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.7309 8198

Fax: 028.3514 6799

Email: lienhe@lpbs.com.vn

Web: <https://lpbs.com.vn/>

2. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/03/2025 tại
đường dẫn: <https://lpbs.com.vn/> mục Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người thực hiện công bố thông tin



Vũ Ngọc Anh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK**
- Tên gọi tắt: LPBS
- Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số: 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 12/02/2009 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung
- Vốn điều lệ: **3.888.000.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **3.888.000.000.000** đồng
- Địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 7309 8198
- Số fax: (028) 3514 6799
- Email: lienhe@lpbs.com.vn
- Website: www.lpbs.com.vn
- **Quá trình hình thành và phát triển:**
 - ✓ 12/02/2009: Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 104/UBCK-GP với số vốn điều lệ ban đầu 125 tỷ đồng;
 - ✓ 20/04/2010: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt theo Giấy phép số 316/UBCK-GP (“LVS”);
 - ✓ 25/04/2016: Tăng vốn điều lệ từ 125 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng;
 - ✓ 24/10/2016: Bổ sung nghiệp vụ Tư vấn Đầu tư Chứng khoán;
 - ✓ 29/04/2021: Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh Phát hành Chứng khoán;
 - ✓ 15/09/2023: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (“LPBS”);
 - ✓ 08/04/2024: Trở thành thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - ✓ 08/4/2024: Được kết nối giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh;
 - ✓ 09/04/2024: Được được kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường chứng khoán đăng ký giao dịch với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- ✓ 26/04/2024: UBCKNN chấp thuận nâng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank từ 250 tỷ lên 3.888 tỷ;
- ✓ 03/05/2024: UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho Nhà đầu tư;
- ✓ 06/06/2024: UBCKNN chấp thuận cho LPBS được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ;
- ✓ 09/07/2024: Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Đà Nẵng theo Quyết định 738/QĐ-UBCK của UBCKNN;
- ✓ 15/08/2024: UBCKNN chấp thuận việc thay đổi trụ sở chính mới đặt tại Tầng 3, Cao ốc văn phòng, số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

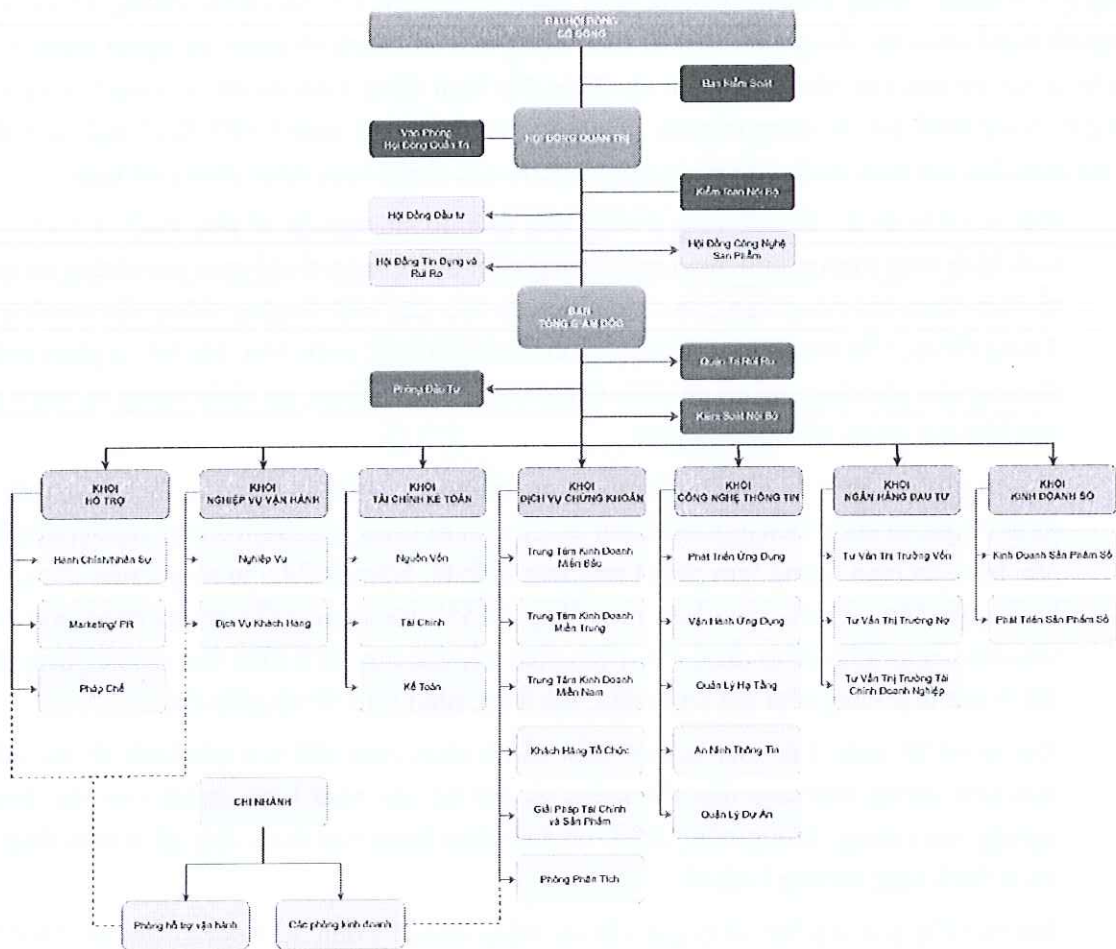
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Công ty hoạt động kinh doanh theo ngành nghề được cấp theo giấy phép bao gồm: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Công ty hoạt động tại:
 - ✓ Trụ sở chính: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - ✓ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 2, LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và Số 17 Tông Đản, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
 - ✓ Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 1, 140 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank là công ty cổ phần hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - ✓ Hội đồng quản trị (“HĐQT”): Là bộ máy quản trị cao nhất của LPBS, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
 - ✓ Ban kiểm soát: Thực hiện giám sát HĐQT, ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
 - ✓ Tổng Giám đốc: Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Sơ đồ tổ chức Công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên cơ sở thận trọng nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty và cổ đông. Tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành để đảm bảo sự phát triển bền vững, ổn định của doanh nghiệp nói riêng và ngành chứng khoán nói chung.
- Với định hướng trở thành một ngân hàng đầu tư, chúng tôi tập trung xây dựng năng lực sáng tạo phát triển sản phẩm nhằm cung cấp một giải pháp đầu tư đa dạng và phù hợp cho mọi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Bên cạnh đó, LPBS cũng lấy công nghệ là nền tảng phát triển trong thời đại số, chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ cả về nguồn lực và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng và tạo ra sự đơn giản, thú vị cho việc tiếp cận các sản phẩm đầu tư tài chính của khách hàng.

5. Các rủi ro

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán vốn là ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Các yếu tố vĩ mô cơ bản của nền kinh tế có tác động đến hoạt động kinh doanh và tăng trưởng của Công ty. Việc đánh giá tác động của các yếu tố vĩ mô này có thể giúp LPBS thích nghi kịp thời với sự biến đổi của môi trường kinh doanh và đề ra các chiến lược phát triển phù hợp.

- Rủi ro về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng của mỗi doanh nghiệp sẽ phụ thuộc rất lớn vào tình hình tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Trong năm 2024, kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn còn chịu nhiều áp lực, đặc biệt là căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông, Ukraine còn phức tạp; cạnh tranh giữa các nước lớn, bảo hộ và phân mảnh thương mại gia tăng; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng và thiên tai, khí hậu cực đoan vẫn thường trực...
- Rủi ro về lạm phát: Lạm phát là một trong những chỉ báo quan trọng đo lường tính ổn định về giá và đồng tiền của nền kinh tế. Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân tăng 3,63%, cao hơn mức tăng 3,25% của năm 2023 nhưng thấp hơn mục tiêu mà Chính Phủ đề ra dưới 4%. Lạm phát tiếp tục duy trì ở mức cao do hiệu ứng tăng giá ở các mặt hàng như giá xăng dầu, giá điện, dịch vụ y tế và giáo dục...
- Rủi ro về lãi suất: Lãi suất là một biến số rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, tác động làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Trong năm 2024, lãi suất điều hành vẫn được duy trì ở mức thấp để kích thích tăng trưởng kinh tế.
- Rủi ro về tỷ giá: Áp lực về tỷ giá vẫn tác động đáng kể đến thị trường. Chỉ số DXY lập đỉnh vào cuối năm 2024, đạt 108,5 và tiếp tục tăng hơn 109 vào đầu năm 2025. Dù mức tăng của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ vẫn ở mức tương đối nếu so với các nước trong khu vực nhưng việc tỷ giá VND/USD duy trì ở mức cao và chỉ số DXY liên tục tăng mạnh sẽ gây ra những áp lực nhất định lên nền kinh tế.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã trải qua không ít khó khăn và thách thức. Nhìn chung thị trường vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định với sự gia tăng về chỉ số, thanh khoản và quy mô vốn hóa. Đến cuối năm 2024, VN-Index đạt 1.270 điểm, tăng 12,3% so với cuối năm 2023. Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu trên ba sàn giao dịch HOSE, HNX và UPCOM đạt mức 7.200 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2023. Theo đó, hoạt động kinh doanh của LPBS cũng ghi nhận nhiều kết quả ấn tượng. Doanh thu hoạt động đạt 192,74 tỷ đồng tăng 361% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 80,39 tỷ đồng tăng 470% so với năm 2023.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của LPBS

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Tăng/giảm so với năm 2023
1	Doanh thu hoạt động	41.801.430.598	192.739.242.541	361%
2	Chi phí	27.727.704.679	94.555.486.500	241%
3	Lợi nhuận trước thuế	14.099.353.238	100.025.929.605	609%
4	Thuế TNDN	-	19.634.395.818	-
5	Lợi nhuận sau thuế	14.099.353.238	80.391.533.787	470%

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 thực hiện với kế hoạch: Doanh thu hoạt động và lợi nhuận trước thuế lần lượt vượt 124% và 192% so với kế hoạch đề ra năm 2024.

Bảng 2: Tình hình kinh doanh của LPBS năm 2024 so với kế hoạch

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Tăng/giảm so với thực hiện năm 2024
1	Doanh thu hoạt động	192.739.242.541	156.000.000.000	124%
2	Lợi nhuận trước thuế	100.025.929.605	52.000.000.000	192%

2. Tổ chức và nhân sự**a. Danh sách Ban điều hành:**

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày sinh	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên Ban điều hành		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	14/10/1985	14/12/2023	26/12/2024	- Thạc sỹ tài chính - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Quản lý quỹ
2	Bà Vũ Ngọc Anh	13/12/1986	26/12/2024		- Cử nhân Kinh tế - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Quản lý quỹ
3	Ông Hoàng Công Nguyên Vũ	27/08/1981	12/9/2024		- Thạc sỹ - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Quản lý quỹ

b. Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày bắt đầu/không còn là Kế toán trưởng		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Bà Trần Lan Hương	19/06/1982	01/08/2013	01/04/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ kinh tế (kế toán) - Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Quản lý quỹ
2	Bà Võ Hồng Tuyết Nga	15/03/1986	01/04/2024		<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân kinh tế (kế toán - kiểm toán) - Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán

c. Cơ cấu và chính sách nhân sự:

Tính đến 31/12/2024, số lượng nhân sự của LPBS là 286 người, các khối kinh doanh chiếm 74,131% toàn nguồn lực của LPBS. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao 98,60%. Lao động tại LPBS là các nhân sự đã gắn bó lâu dài, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với ngành tài chính chứng khoán.

Bảng 3: Cơ cấu lao động năm 2024 của LPBS (tính đến ngày 31/12/2024)

STT	Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024
I	Theo trình độ lao động	29	286
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	27	282
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	0	2
3	Lao động phổ thông	2	2
II	Theo giới tính	29	286
1	Nam	14	176
2	Nữ	15	110
III	Theo Khối nghiệp vụ	29	286
1	Khối quản trị	2	5
2	Khối Hỗ trợ	8	69
3	Khối Kinh doanh	19	212

- ✓ **Chính sách tuyển dụng:** Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón các ứng viên muốn đóng góp, gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực và trình độ chuyên môn. Công ty chú trọng việc tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.
- ✓ **Chính sách đào tạo:** Nhân viên được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty. Định kỳ, Công ty đều tổ chức các buổi đào tạo để nhân viên cập nhật các kiến thức và văn bản mới, phục vụ cho công việc cũng như giải đáp cho khách hàng. Chế độ hỗ trợ nhân viên chưa có chứng chỉ hành nghề chứng khoán được đào tạo tại các Trung tâm đào tạo của UBCK luôn được Công ty duy trì trong những năm qua.
- ✓ **Chính sách lương thưởng:** Công ty đã xây dựng Quy chế lương theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong việc chi trả lương cho nhân viên. Lương ngoài giờ được Công ty hỗ trợ và trả theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động. Hằng năm, Công ty sẽ đánh giá, xếp hạng loại lao động và có chế độ lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm của Công ty để thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho nhân viên theo năng lực, mức độ hoàn thành công việc và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.
- ✓ **Chính sách phúc lợi xã hội:** Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật như đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, Hằng năm, Công ty đều có chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Cơ sở khám chữa bệnh uy tín và còn tổ chức cho nhân viên tham quan nghỉ mát để tăng cường sự gắn bó giữa các nhân viên với nhau cũng như với Công ty. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động như hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

- Các khoản đầu tư dự án lớn:

Ngày 19/4/2024, Hội đồng quản trị LPBS đã thông qua Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT chấp thuận LPBS đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thông qua đợt chào bán riêng lẻ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Mã chứng khoán: HAG
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Giá mua: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu mua: 50.000.000 cổ phiếu
 - Tổng giá trị đầu tư: 500 tỷ đồng
 - Thời gian đầu tư: dài hạn
- Các khoản đầu tư tài chính lớn đến ngày 31/12/2024:

Bảng 4: Các khoản đầu tư tài chính của LPBS năm 2024

DVT: đồng

Tài sản	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1. Ngắn hạn		
Trái phiếu niêm yết	610.832.450.000	612.447.414.159
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)		
2. Dài hạn		
Cổ phiếu niêm yết		
<i>POT</i>	29.746.530.000	33.660.000.000
<i>HAG</i>	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)		
<i>Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco</i>	2.880.000.000	2.880.000.000
Cộng	1.143.458.980.000	1.148.987.414.159

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình cơ cấu doanh thu của LPBS năm 2023 và năm 2024

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	275.237.425.331	5.066.312.699.267	1741%
Doanh thu hoạt động	41.801.430.598	192.739.242.541	361%
Lợi nhuận trước thuế	14.099.353.238	100.025.929.605	609%
Thuế TNDN	-	19.634.395.818	-
Lợi nhuận sau thuế	14.099.353.238	80.391.533.787	470%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của LPBS

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	Đồng	250.000.000.000	3.888.000.000.000
- Tổng tài sản	Đồng	275.237.425.331	5.066.312.699.267
- Tỷ lệ an toàn tài chính	%	301,34%	3.572%
2. Chỉ tiêu thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	99	4
3. Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,01	0,21
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,01	0,27

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
4. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản	Lần	0,15	0,04
- Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,15	0,05
5. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	%	33,73%	41,71%
-Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5,12%	1,59%
-Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,18%	2,02%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 388.800.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phần phổ thông: 388.800.000 cổ phần, trong đó cổ phần phổ thông hạn chế giao dịch là 208.116.100 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng cộng		
		SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ	SL cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
I. Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên										
1	Cá nhân	3	217.830.100	56,03%	0	0	0%	3	217.830.100	56,03%
2	Tổ chức	1	21.384.000	5,50%	0	0	0%	1	21.384.000	5,50%
Cộng		4	239.214.100	61,53%	0	0	0,00%	4	239.214.100	61,53%
II. Cổ đông sở hữu nhỏ hơn 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết										
1	Cá nhân	10	149.585.900	38,47%	0	0	0%	10	149.585.900	38,47%
2	Tổ chức	0	0	0	0	0	0%	0	0	0,00%
Cộng		10	149.585.900	38,47%	0	0	0,00%	10	149.585.900	38,47%
Tổng cộng		14	388.800.000	100,00%	0	0	0,00%	14	388.800.000	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần vào năm 2009 với vốn điều lệ ban đầu là 125 tỷ đồng. Kể từ ngày được thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 02 (hai) lần tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

Bảng 8: Quá trình tăng vốn điều lệ của LPBS

ĐVT: Tỷ đồng

Lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị chấp thuận
	02/2009		125	Góp vốn điều lệ thành lập Công ty	Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 104/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 12/02/2009.	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
1	07/2016	125	250	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 24/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 25/07/2016.	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
2	04/2024	3.638	3.888	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 27/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/04/2024.	Ủy ban chứng khoán Nhà nước

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, LPBS đã ghi dấu ấn mạnh mẽ với những thành công nổi bật trong các lĩnh vực hoạt động chủ chốt. Công ty không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và phát triển sản phẩm, mà còn hoàn thiện công tác quản lý rủi ro và hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin. Những nỗ lực này đã giúp LPBS không ngừng củng cố vị thế trên thị trường tài chính. Hướng tới tương lai, LPBS sẽ tiếp tục tập trung vào phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh và cung cấp những dịch vụ tài chính tối ưu nhất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

✓ Hoạt động Quản lý Rủi ro

Trong năm 2024, hoạt động Quản lý Rủi ro của LPBS đã đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện sự nỗ lực không ngừng của công ty trong việc vận hành hệ thống giao dịch và quản lý rủi ro:

- Hệ thống giao dịch ký quỹ: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép vào cuối tháng 6/2024, LPBS đã phối hợp với các phòng ban liên quan để triển khai và vận hành tốt hệ thống giao dịch ký quỹ. Dự nợ giao dịch ký quỹ tính đến cuối năm 2024 đạt hơn 2.600 tỷ đồng. Quan trọng hơn, LPBS đã đảm bảo không xảy ra bất kỳ vấn đề nào về quản lý nợ hoặc vận hành hệ thống.
- Rà soát quy trình và quy chế: LPBS đã thực hiện việc rà soát toàn bộ các quy trình, quy chế liên quan đến quản trị rủi ro để đảm bảo tính phù hợp với những thay đổi trong cơ cấu tổ chức và chiến lược của công ty.
- ✓ **Hoạt động Kiểm soát Nội bộ**
 Năm 2024, công tác Kiểm soát Nội bộ của LPBS đã có những hoạt động nổi bật giúp củng cố hệ thống quản lý và gia tăng tính minh bạch trong vận hành:
 - Cập nhật quy chế, quy trình: LPBS đã ban hành và cập nhật các văn bản quan trọng như Quy chế Công bố Thông tin, Chính sách Quản trị Rủi ro, Quy chế Hoạt động Giao dịch Ký Quỹ và các Quy trình phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ. Các văn bản này giúp tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của công ty.
 - Hoạt động kiểm soát: LPBS đã triển khai kiểm tra các nghiệp vụ chính như quản lý hồ sơ khách hàng, quản lý rủi ro trong giao dịch ký quỹ tại Hội sở và các chi nhánh. Nhờ đó, phát hiện kịp thời các sai sót và đưa ra các tư vấn kiện toàn hệ thống quy trình hoạt động.
- ✓ **Hoạt động Phát triển Sản phẩm**
 LPBS tiếp tục đổi mới và phát triển các sản phẩm, dịch vụ linh hoạt để thu hút khách hàng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư:
 - *Chương trình ưu đãi*: LPBS đã xây dựng các chương trình ưu đãi hấp dẫn về phí giao dịch và lãi suất, đồng thời đa dạng hóa sản phẩm giao dịch ký quỹ để thu hút nhà đầu tư.
 - *Phát triển sản phẩm và dịch vụ*: Bằng việc triển khai các chính sách ưu đãi cho khách hàng nội bộ (CBNV công ty và hệ sinh thái), LPBS đã thu hút được hơn 17.000 khách hàng mở tài khoản mới, đạt doanh thu hơn 32 tỷ đồng từ hoạt động môi giới trong năm 2024.
- ✓ **Hoạt động Chăm sóc và Phát triển Khách hàng**
 Với chiến lược phát triển bền vững, LPBS đã không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ:
 - *Mở rộng mạng lưới khách hàng*: LPBS đã triển khai thành công phương thức mở tài khoản chứng khoán trực tuyến bằng công nghệ eKYC. Đến 31/12/2024, công ty đã có thêm 18.259 tài khoản chứng khoán mới, gấp 17,63 lần so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ trong việc thu hút khách hàng.
 - *Nâng cao chất lượng dịch vụ*: LPBS luôn đặt khách hàng làm trọng tâm, tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch với các nền tảng trực tuyến như website và ứng dụng di động, cùng với các dịch vụ hỗ trợ qua hotline, Zalo OA, livestream YouTube, và podcast.

- *Chương trình ưu đãi hấp dẫn*: Chương trình "Mở tài khoản Như Ý - Phí giao dịch Lộ Phát" đã giúp khách hàng tiết kiệm chi phí và gia tăng lợi nhuận khi giao dịch, đồng thời củng cố vị thế của LPBS trên thị trường.
- ✓ **Hoạt động Công nghệ Thông tin**
 Trong năm 2024, hoạt động Công nghệ Thông tin của LPBS đã có những bước tiến đáng kể trong việc hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng:
 - *Triển khai các hệ thống công nghệ*: LPBS đã hoàn thành triển khai Data Center và hệ thống Core Chứng khoán vào quý II/2024, cùng với việc chính thức nhận giấy phép giao dịch trực tuyến và triển khai giao dịch ký quỹ sau khi được cấp phép.
 - *Nâng cao dịch vụ qua công nghệ*: LPBS cũng đã triển khai hệ thống báo cáo BI phục vụ báo cáo quản trị cho lãnh đạo và nền tảng công nghệ phát hành, quản lý trái phiếu sơ cấp vào cuối năm 2024.
 - *Phát triển nền tảng số*: LPBS tiếp tục xây dựng các công cụ công nghệ hiện đại như AI, Data Warehouse, nhằm nâng cao hiệu quả giao dịch và quản lý rủi ro, đồng thời hỗ trợ khách hàng trong việc ra quyết định đầu tư.
- ✓ **Hoạt động Nhân sự và Đào tạo**
 Để đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng, LPBS đã chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự:
 - *Tuyển dụng và phát triển nhân sự*: LPBS đã tuyển dụng 257 nhân sự trong năm 2024, đồng thời ban hành hơn 510 hợp đồng lao động và hơn 1.050 quyết định nhân sự, tăng trưởng mạnh mẽ so với các năm trước.
- ✓ **Hoạt động Văn hóa Tổ chức**
 LPBS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và sáng tạo, dựa trên các giá trị văn hóa đặc trưng của công ty:
 - *Văn hóa ứng xử 9G và 9T*: LPBS duy trì và phát huy văn hóa làm việc với các giá trị gia đình, giữ gìn, gương mẫu, gánh vác, gọi mở, giáo dục, giúp đỡ, giám sát đối với cán bộ lãnh đạo và các phẩm chất như tôn trọng, trung thực, thực hiện, tuân thủ đối với nhân viên.
 - *Văn hóa sáng tạo và vượt khó*: Các cán bộ nhân viên LPBS luôn sáng tạo và không ngừng nỗ lực để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời cũng tạo dựng môi trường làm việc đoàn kết, gắn kết.
- ✓ **Hoạt động hướng đến cộng đồng**
 Năm 2024, LPBS tiếp tục thể hiện cam kết với cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ xã hội.
 - *Chung tay hướng về đồng bào miền Bắc*: Vào tháng 9/2024, cán bộ nhân viên LPBS đã chung tay đóng góp và trao tặng tổng cộng 869 triệu đồng tiền mặt và quà hỗ trợ cho người dân tỉnh Quảng Ninh, giúp họ khắc phục khó khăn sau cơn bão tàn phá.
 - *Ủng hộ sự phát triển trong lĩnh vực thể thao*: LPBS cũng góp phần tích cực vào sự phát triển của lĩnh vực thể thao và nâng cao sức khỏe cộng đồng. Từ giữa năm 2024, LPBS đã tham gia tài trợ cho nhiều chương trình thể thao, trong đó có các giải đấu như Giải

bóng đá V-League 2024-2025, Giải bóng đá Tứ Hùng và Giải bóng đá giao hữu "Super Finance Cup 2024", nhằm khuyến khích tinh thần thể thao và tạo sân chơi cho cộng đồng. Những hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của LPBS mà còn giúp kết nối giá trị văn hóa và cộng đồng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Bảng 9: Tình hình tài sản của LPBS cuối kỳ năm 2023 và 2024

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
I	Tài sản ngắn hạn	271.886.972.477	4.517.894.643.792	1.562%
1	Tài sản tài chính	271.331.733.034	4.513.757.533.481	1.564%
2	Tài sản ngắn hạn khác	555.239.443	4.137.110.311	645%
II	Tài sản dài hạn	3.350.452.854	548.418.055.475	16.268%
1	Tài sản tài chính dài hạn	-	500.000.000.000	-
2	Tài sản cố định	2.770.011.850	35.333.931.534	1.176%
3	Bất động sản	-	-	-
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	7.384.702.729	-
5	Tài sản dài hạn khác	580.441.004	5.699.421.212	882%
6	Dự phòng suy giảm giá tài sản dài hạn khác	-	-	-
III	Tổng cộng tài sản	275.237.425.331	5.066.312.699.267	1.741%

Năm 2024, tổng tài sản của LPBS đạt 5.066,31 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 4.517,89 tỷ đồng tăng 1.562% so với năm 2023, chủ yếu nằm ở tài sản tài chính.
- Tài sản dài hạn 548,42 tỷ đồng tăng 16.268% so với 2023, chủ yếu nằm ở tài sản cố định.

b. Tình hình nợ phải trả:

Bảng 10: Tình hình nợ phải trả của LPBS cuối kỳ năm 2023 và 2024

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
A	NỢ PHẢI TRẢ	2.799.074.634	1.083.161.644.017	38.597%
I	Nợ phải trả ngắn hạn	2.756.098.658	1.083.118.668.041	39.199%
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	551.938.600.000	-
	<i>Vay ngắn hạn</i>	-	551.938.600.000	-
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	2.262.808.264	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
3	Phải trả người bán ngắn hạn	30.518.400	502.182.505.400	1.645.407%
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	300.000.000	300.000.000	0,00%
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	60.147.940	13.101.501.240	21.682%
6	Phải trả người lao động	623.235.752	5.121.012.431	722%
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	6.117.200	-
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	86.916.874	2.262.056.415	2.503%
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	604.885.301	1.886.940.219	212%
10	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	65.006.207	74.481.871	15%
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	985.388.184	3.982.645.001	304%
II	Nợ phải trả dài hạn	42.975.976	42.975.976	0,00%
1	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.975.976	42.975.976	0,00%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	272.438.350.697	3.983.151.055.250	1.362%
C	TỔNG NGUỒN VỐN	275.237.425.331	5.066.312.699.267	1.741%

Năm 2024, tổng nguồn vốn của LPBS là 5.066,31 tỷ đồng, tăng 1.741% so với năm 2023. Cơ cấu nguồn vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu chiếm tới 79,62%, nợ phải trả chỉ chiếm khoảng 21,38%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Hội đồng quản trị theo sát, hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng các quy định, quy chế cũng như định hướng kinh doanh sắp tới của Công ty;
- Công ty đầu tư hạ tầng công nghệ, phần mềm, tuyển dụng và đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, chuẩn bị cho các nghiệp vụ kinh doanh sẽ mở rộng trong thời gian tới.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty sẽ tập trung cho hoạt động nâng cao trải nghiệm khách hàng, đặc biệt là trải nghiệm bảo mật giao dịch được ưu tiên hàng đầu do diễn biến của lĩnh vực an toàn thông tin ngày càng diễn biến phức tạp tại Việt Nam.

Công ty luôn linh hoạt với những diễn biến của thị trường, tiếp tục nâng cao năng lực của đội ngũ và điều chỉnh cấu trúc tổ chức cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, hướng tới hoàn thành các mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024 chứng kiến nhiều biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế có cải thiện, nhưng sự phân hóa giữa các khu vực ngày càng rõ rệt. Mặc dù chịu nhiều tác động, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ, khoảng 12% với thanh khoản cải thiện 23% so với năm 2023.

Trong bối cảnh đó, LPBS đã tập trung vào quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực tài chính. HĐQT đã đưa ra những định hướng chiến lược cho Ban lãnh đạo LPBS nhằm điều hành kinh doanh một cách linh hoạt, hiệu quả, thích ứng với biến động của thị trường chứng khoán, tình hình kinh tế trong nước và thế giới nhưng đảm bảo các yếu tố quản trị rủi ro. Theo đó, tập thể lãnh đạo và người lao động LPBS đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông đề ra và hoàn thành kế hoạch năm 2024, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động đạt 192,74 tỷ đồng vượt 124% so với kế hoạch năm 2024;
- Lợi nhuận trước thuế 100,02 tỷ đồng vượt 192% so với kế hoạch năm 2024.

Bên cạnh đó, HĐQT đã hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các pháp luật liên quan. HĐQT đã bám sát đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế tại LPBS để triển khai thực hiện.

2. Đánh giá về việc tuân thủ chế độ tài chính công ty chứng khoán

Năm 2024, chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty luôn đạt mức cao hơn 180%, đáp ứng yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính của công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ liên quan báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn, kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước (“UBCKNN”), Ủy ban Giám sát tài chính và các cơ quan liên quan khác theo đúng quy định.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán đều tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn hoạt động của Công ty chứng khoán.

Các nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán đều được bố trí đúng vị trí và đủ theo quy định. Các nhân viên có chứng chỉ hành nghề đều tuân thủ quy tắc đạo đức trong hành nghề chứng khoán và các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc tăng/giảm nhân viên có chứng chỉ hành nghề đều được báo cáo UBCKNN đầy đủ, đúng thời hạn, kịp thời.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)

HQĐT đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban TGD. Ban TGD thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. Từ đó, HĐQT đã có những chỉ đạo kịp thời để đưa ra các giải pháp điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong công tác quản lý điều hành, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật và của Công ty, Bộ máy điều hành Công ty luôn thể hiện tinh thần nỗ lực cố gắng, phối hợp tham mưu kịp thời, có hiệu quả cho HĐQT trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2024 là năm mà HĐQT LPBS tập trung xây dựng nền móng và kiện toàn bộ máy nhân sự. Chúng tôi đã thiết kế được chiến lược phát triển công ty nhằm phù hợp với bối cảnh mới của thị trường và các mục tiêu quan trọng phải đạt được trong năm 2025 như cải thiện ROE, xây dựng thêm các trục kinh doanh mới như phái sinh, kinh doanh nguồn vốn.

HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty nhằm tiếp tục ổn định, phát triển và hoàn thành các chỉ tiêu năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao; tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và pháp luật. Ngoài ra, HĐQT sẽ luôn thực hiện tốt các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ và các quy định khác của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Phú Khôi	Chủ tịch HĐQT – Thành viên độc lập HĐQT	26/09/2024	
2	Bà Vũ Thanh Huệ	Phó CT HĐQT	09/12/2023	
3	Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	26/04/2024	
4	Bà Phạm Thu Hằng	Thành viên HĐQT	26/04/2024	
5	Bà Nguyễn Thị Kiều Anh	Thành viên độc lập HĐQT	26/12/2024	
6	Ông Hoàng Duy Hiền	Thành viên độc lập HĐQT	26/12/2024	
7	Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	09/12/2023	26/09/2024
8	Ông Nguyễn Huy Du	Thành viên độc lập HĐQT	26/04/2024	26/09/2024
9	Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Thành viên HĐQT	26/04/2024	26/12/2024
10	Ông Yew Teong Soon Alan	Thành viên độc lập HĐQT	09/12/2023	26/12/2024

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

TT	Cơ cấu thành viên	Chức vụ
I	Hội đồng nhân sự	
1	Phạm Phú Khôi	Chủ tịch Hội đồng
2	Vũ Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Vũ Thanh Huệ	Thành viên
4	Vũ Nam Hương	Thành viên
5	Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
II	Hội đồng Đầu tư và Giao dịch lớn	
1	Phạm Phú Khôi	Chủ tịch Hội đồng
2	Vũ Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Vũ Thanh Huệ	Thành viên
4	Vũ Nam Hương	Thành viên
5	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	Thành viên
III	Hội đồng Công nghệ sản phẩm	
1	Phạm Phú Khôi	Chủ tịch Hội đồng
2	Vũ Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Hoàng Duy Hiền	Thành viên
4	Vũ Thanh Huệ	Thành viên
IV	Hội đồng Quản lý rủi ro	
1	Phạm Phú Khôi	Chủ tịch Hội đồng
2	Vũ Ngọc Anh	Phó chủ tịch thường trực
3	Vũ Thanh Huệ	Thành viên
4	Vũ Nam Hương	Thành viên
5	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	Thành viên

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-HDQT	03/01/2024	Nghị quyết: Quy định về Cơ cấu tổ chức của LPBS
2	02/2024/NQ-HDQT	11/01/2024	Nghị quyết: Phê duyệt triển khai Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.
3	03/2024/NQ-HDQT	11/01/2024	Nghị quyết: Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
4	03a/2024/NQ-HĐQT	11/01/2024	Nghị quyết: Thông qua không chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài; thông qua việc xử lý cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, cổ phiếu lẻ
5	04/2024/NQ-HĐQT	18/01/2024	Nghị quyết: Thông qua việc bổ nhiệm Tổng giám đốc, miễn nhiệm và bổ nhiệm giám đốc Chi nhánh Hà Nội. Quyết định số 03/2024/QĐ-LPBS ngày 18/01/2024 về việc bổ nhiệm chức danh anh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Đức Quân Tùng; Quyết định số 04/2024/QĐ-LPBS ngày 18/01/2024 về việc miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Hà Nội đối với ông Huỳnh Văn Phát; Quyết định số 05/2024/QĐ-LPBS ngày 18/01/2024 về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Hà Nội đối với ông Hoàng Công Nguyên Vũ.
6	05/2024/NQ-HĐQT	29/02/2024	Nghị quyết: Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
7	06/2024/NQ-HĐQT	07/03/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết Hợp đồng với FSS và Công ty CP phần mềm Bravo.
8	07/2024/NQ-HĐQT	05/03/2024	Nghị quyết: Thông qua ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
9	08/2024/NQ-HĐQT	14/03/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Group.
10	08A/2024/NQ-HĐQT	14/03/2024	Nghị quyết: Thông qua việc ban hành Quy chế Lương.
11	09/2024/NQ-HĐQT	18/03/2024	Nghị quyết: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ
12	10/2024/NQ-HĐQT	21/03/2024	Nghị quyết: Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng LPBS Quyết định số 20/2024/QĐ-LPBS ngày 18/01/2024 về việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Trần Lan Hương. Quyết định số 21/2024/QĐ-LPBS ngày 18/01/2024 về việc bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Võ Hồng Tuyết Nga.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
13	11/2024/NQ-HĐQT	20/03/2024	Nghị quyết: Thông qua việc sửa đổi và ban hành Quy chế Công bố thông tin
14	12/2024/NQ-HĐQT	03/04/2024	Nghị quyết: Thông qua chương trình; nội dung và tài liệu họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
15	13/2024/NQ-HĐQT	05/04/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty cổ phần Du Lịch Kim Liên
16	14/2024/NQ-HĐQT	03/04/2024	Nghị quyết: Thông qua việc gia hạn thời gian nộp tiền để thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
17	15/2024/NQ-HĐQT	10/04/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết hợp đồng thuê văn phòng CN Hà Nội với Công ty Cổ phần Tôn Dân Hà Nội
18	16/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	Nghị quyết: Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở LPBS – Chi nhánh Hà Nội
19	17/2024/NQ-HĐQT	15/04/2024	Nghị quyết: Thông qua kết quả sơ bộ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
20	18/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	Nghị quyết: Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
21	19/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS đầu tư vào Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thông qua đợt chào bán riêng lẻ của công ty HAGL
22	20/2024/NQ-HĐQT	23/04/2024	Nghị quyết: Chấp thuận việc gửi tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
23	21/2024/NQ-HĐQT	23/04/2024	Nghị quyết: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 LPBS.
24	22A/2024/NQ-HĐQT	10/05/2024	Nghị quyết: Thống nhất về chức danh của các thành viên trong Hội đồng quản trị
25	22B/2024/NQ-HĐQT	10/05/2024	Nghị quyết: Thông qua việc LPBS ký kết Hợp đồng với Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu và Công ty CP vật tư và thiết bị văn phòng CDC.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
26	23/2024/NQ-HĐQT	17/05/2024	Nghị quyết: Thông qua và chấp thuận ban hành các văn bản liên quan tới hoạt động quản trị rủi ro.
27	24/2024/NQ-HĐQT	16/05/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
28	24A/2024/NQ-HĐQT	16/5/2024	Nghị quyết: chấp thuận phê duyệt các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra, tư vấn giám sát cho các công trình của LPBS.
29	25/2024/NQ-HĐQT	21/05/2024	Nghị quyết: Thông qua và chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 4 tháng đầu năm 2024 của LPBS
30	26/2024/NQ-HĐQT	28/05/2024	Nghị quyết: Thông qua Chính sách Kinh doanh của LPBS
31	27/2024/NQ-HĐQT	27/05/2024	Nghị quyết: Chấp thuận LPBS hợp tác và ký kết hợp đồng với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh để quản lý tài khoản chi tiết cho nhà đầu tư giao dịch chứng khoán tại LPBS.
32	28/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Nghị quyết: Thông qua và lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của LPBS
33	28A/2024/NQ-HĐQT	07/6/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ công nghệ tin học HPT, Công ty CP vật tư và thiết bị văn phòng CDC, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ số hóa FHB về việc cung cấp và triển khai trang thiết bị cho Hội sở.
34	28B/2024/NQ-HĐQT	07/6/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ công nghệ tin học HPT, Công ty CP vật tư và thiết bị văn phòng CDC về việc cung cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho Chi nhánh Đà Nẵng.
35	29/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Nghị quyết: Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty tại thành phố Đà Nẵng

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
36	30/2024/NQ-HĐQT	14/06/2024	Nghị quyết: Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty cổ phần chứng khoán LPBank
37	31/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Nghị quyết: Thông qua việc vay vốn và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn Chợ Lớn
38	32/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Nghị quyết: Thông qua việc được cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – CN Bình Phú
39	33/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Nghị quyết: Thông qua việc được cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)
40	34/2024/NQ-HĐQT	14/06/2024	Nghị quyết: Chấp thuận chủ trương đầu tư trái phiếu Chính phủ. Quyết định số 86/2024/QĐ-LPBS ngày 26/6/2024 về việc đầu tư trái phiếu Chính phủ. Quyết định số 89/2024/QĐ-LPBS ngày 16/7/2024 về việc bán trái phiếu Chính phủ.
41	35/2024/NQ-HĐQT	17/06/2024	Nghị quyết: Thông qua Quy định thành lập và hoạt động Hội đồng công nghệ sản phẩm, Quy chế tổ chức và hoạt động Chi nhánh
42	36/2024/NQ-HĐQT	18/06/2024	Nghị quyết: Chấp thuận phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Văn phòng làm việc Công ty CP Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Đà Nẵng; phê duyệt giá trị dự toán công trình.
43	37/2024/NQ-HĐQT	20/06/2024	Nghị quyết: Chấp thuận việc LPBS ký kết Hợp đồng với Công ty Hyperion Ventures SDN BHD
44	38/2024/NQ-HĐQT	25/06/2024	Nghị quyết: Chấp thuận cho LPBS ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
45	39/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Nghị quyết: Thông qua việc đề nghị Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn cho LPBS
46	40/2024/NQ-HĐQT	28/6/2024	Nghị quyết: chấp thuận việc sử dụng quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi để xử lý xóa khoản nợ liên quan HĐ hợp tác kinh doanh cổ phiếu Cotec.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
47	41/2024/NQ-HĐQT	08/7/2024	Nghị quyết: chấp thuận và phê duyệt Công ty tổ chức Sự kiện và Nghệ thuật Việt Sky thực hiện tổ chức sự kiện khai trương LPBS Chi nhánh Đà Nẵng.
48	42/2024/NQ-HĐQT	18/07/2024	Nghị quyết: thông qua vay vốn và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác tại NH Công thương VN – Chi nhánh Tp. HCM.
49	43/2024/NQ-HĐQT	31/07/2024	Nghị quyết: LPBS ký kết Thỏa thuận hợp tác và Phụ lục với LPBank.
50	44/2024/NQ-HĐQT	30/07/2024	Nghị quyết: thông qua miễn nhiệm Giám đốc CN Hà Nội đối với ông Hoàng Công Nguyên Vũ.
51	45/2024/NQ-HĐQT	31/7/2024	Nghị quyết: lựa chọn đối tác phần mềm FSS và ủy quyền cho TGD ký hợp đồng với FSS để triển khai dự án hệ thống phần mềm quản lý và kinh doanh trái phiếu.
52	46/2024/NQ-HĐQT	16/8/2024	Nghị quyết: thông qua tiếp tục gia hạn Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý cổ đông chưa lưu ký giữa LPBS và LPBank.
53	47/2024/NQ-HĐQT	04/9/2024	Nghị quyết: thông qua và chấp thuận ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng con dấu.
54	48/2024/NQ-HĐQT	10/9/2024	Nghị quyết: thông qua và chấp thuận mua 01 xe ô tô thanh lý của LPBank.
55	49/2024/NQ-HĐQT	12/9/2024	Nghị quyết: thông qua bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Hà Nội đối với bà Phạm Thanh Phương.
56	50/2024/NQ-HĐQT	12/09/2024	Nghị quyết: thông qua bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Công Nguyên Vũ.
57	51/2024/NQ-HĐQT	19/9/2024	Nghị quyết: thông qua và chấp thuận chi phí dự kiến cho các hạng mục triển khai Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR).
58	52/2024/NQ-HĐQT	13/9/2024	Nghị quyết: chấp thuận và phê duyệt chi số tiền 500.000.000 đồng từ nguồn vốn kinh doanh đóng góp vào Quỹ từ thiện Tấm lòng vàng của báo Người lao động ủng hộ đồng bào ảnh hưởng bão Yagi.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
59	53/2024/NQ-HĐQT	17/9/2024	Nghị quyết: chấp thuận Công ty CP trường doanh nhân Đắc Nhân Tâm Dale Carnegie Vietnam là đơn vị đào tạo “Kỹ năng giao tiếp Đắc Nhân Tâm” cho nhân sự LPBS.
60	54/2024/NQ-HĐQT	20/9/2024	Nghị quyết: thông qua triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024.
61	55/2024/NQ-HĐQT	02/10/2024	Nghị quyết: thông qua và chấp thuận duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp giữa LPBank và LPBS.
62	56/2024/NQ-HĐQT	02/10/2024	Nghị quyết: thông qua và chấp thuận mua 01 xe ô tô thanh lý của LPBank.
63	57/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Nghị quyết: thông qua và tán thành bầu ông Phạm Phú Khôi giữ chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.
64	58A/2024/NQ-HĐQT	07/11/2024	Rà soát và cập nhật các thông tin thay đổi về địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật vào Điều lệ Công ty.
65	58/2024/NQ-HĐQT	15/11/2024	Nghị quyết: thay đổi người đại diện pháp luật của công ty từ ông Lê Minh Tâm-CT HĐQT sang người đại diện PL mới là ông Nguyễn Đức Quân Tùng-TGD.
66	59/2024/NQ-HĐQT	15/11/2024	Nghị quyết: thông qua và chấp thuận thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024.
67	60/2024/NQ-HĐQT	06/12/2024	Nghị quyết: thông qua và ban hành các Quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị.
68	61/2024/NQ-HĐQT	12/12/2024	Nghị quyết: thông qua và ban hành các Quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị và thông qua danh sách thành viên của Hội đồng Công nghệ Sản phẩm và Hội đồng Quản lý rủi ro.
69	62/2024/NQ-HĐQT	18/12/2024	Nghị quyết: về việc đóng hạn mức tín dụng hiện hữu tại LPBank và bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024.
70	63/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Nghị quyết: về việc thông qua và chấp thuận thay đổi thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
71	64/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Nghị quyết: về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc LPBS.
72	65/2024/NQ-HĐQT	27/12/2024	Nghị quyết: về việc thống nhất chức danh các thành viên trong HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.
73	66/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Nghị quyết: về việc phê duyệt chủ trương, kế hoạch tổ chức Tiệc tổng kết (Year End Party) năm 2024 của LPBS.
74	67/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Nghị quyết: về việc giao bà Vũ Ngọc Anh kiểm soát và quyết định nội dung cần phê duyệt theo quyền và nghĩa vụ của TGD/người đại diện PL trên các hồ sơ chứng từ của LPBS.

2. Ban Kiểm soát

a. Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Dư Thị Hải Yến	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 26/4/2023 Miễn nhiệm ngày 26/4/2024	Cử nhân Đại học KTQD
2	Ông Bùi Lê Quang	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 26/4/2024	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
3	Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/4/2023	Cử nhân Đại học KTQD
4	Ông Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/4/2024	Cử nhân Học viện tài chính
5	Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/4/2023 Miễn nhiệm ngày 26/4/2024	Cử nhân Học viện Ngân hàng

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và

báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Thù lao và các khoản lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc năm 2024

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, các cổ đông Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, mức chi thực tế thù lao năm 2024 như sau:

Đối tượng	Nội dung khoản lợi ích	Giá trị (vnd)
Hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT, Lương và các khoản phụ cấp	820.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao Ban Kiểm soát	240.000.000
Ban điều hành	Lương, BHYT và các khoản phụ cấp	4.073.796.191

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

ST T	Đối tượng	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị
				(ĐỒNG)
1	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Cổ đông	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	30.074.633.830
			Doanh thu từ quản lý cổ đông	2.879.032.263
			Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	750.000.000
			Lãi vay	3.727.207.880
			Mua hàng	2.056.803.971
			Thuê văn phòng	3.390.550.383
			Tặng vốn từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	200.090.000.000
2	Bà Vũ Thanh Huệ	Cổ đông	Tặng vốn từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	758.381.000.000

Handwritten signature/initials

ST T	Đối tượng	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị
				(Đồng)
3	Ông Ngô Quyết Tiến	Cổ đông	Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	697.420.000.000
4	Bà Phạm Thu Hằng	Cổ đông	Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	500.000.000.000
5	Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	1.061.783.877
			Thuê văn phòng	4.317.378.492
6	Công ty Hyperion Ventures Sdn Bhd	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Phí tư vấn	442.937.040

VI. Báo Cáo Tài Chính

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem tài liệu đính kèm.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Ngọc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5 - 7
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13 - 14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 43



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2025)
Ông Phạm Phú Khôi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2024, miễn nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2024)
Bà Vũ Thanh Huệ	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Yew Teong Soon Alan	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024)
Ông Nguyễn Huy Du	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2024)
Ông Hoàng Duy Hiến	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Kiều Anh	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024)
Bà Phạm Thu Hằng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024, miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024)

Tổng Giám đốc

Bà Vũ Ngọc Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024)
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2024, miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024), Quyền Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2024)
Ông Hoàng Công Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2024)

Ban kiểm soát

Ông Bùi Lê Quang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Dư Thị Hải Yến	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Số: 0463/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 2 năm 2025, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 01 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 02 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đoàn Diệu Huyền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 5593-2025-001-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		4.517.894.643.792	271.886.972.477
I. Tài sản tài chính	110		4.513.757.533.481	271.331.733.034
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	896.048.833.407	44.241.762.450
1.1. Tiền	111.1		896.048.833.407	241.762.450
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	44.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6.1	612.447.533.159	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6.2	270.000.000.000	171.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	6.3	2.664.287.345.024	-
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	6.4	36.540.000.000	40.280.000.000
6. Các khoản phải thu	117	7	30.529.487.998	6.714.123.554
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		30.529.487.998	6.714.123.554
6.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	3.944.819.444
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		30.529.487.998	2.769.304.110
7. Trả trước cho người bán	118		910.612.400	10.204.001.110
8. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	7	397.906.393	200.000.000
9. Các khoản phải thu khác	122	8	5.875.346.501	6.036.196.765
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(3.279.531.401)	(7.344.350.845)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		4.137.110.311	555.239.443
1. Tạm ứng	131		47.373.400	229.415.436
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		364.240.000	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		3.707.496.911	58.857.607
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		18.000.000	18.200.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	978.034
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	16	-	247.788.366

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		548.418.055.475	3.350.452.854
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		500.000.000.000	-
1. Các khoản đầu tư	212	10	500.000.000.000	-
1.1 Đầu tư dài hạn khác	212.4		500.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		35.333.931.534	2.770.011.850
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	19.639.103.235	2.544.900.922
- Nguyên giá	222		24.619.968.207	9.004.575.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.980.864.972)	(6.459.674.868)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	15.694.828.299	225.110.928
- Nguyên giá	228		18.014.641.111	15.730.768.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.319.812.812)	(15.505.657.636)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		7.384.702.729	-
IV. Tài sản dài hạn khác	250		5.699.421.212	580.441.004
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		3.853.887.765	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		1.336.514.265	95.692.536
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	509.019.182	484.748.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.066.312.699.267	275.237.425.331

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)	
			Số cuối năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		1.083.161.644.017	2.799.074.634
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.083.118.668.041	2.756.098.658
1. Vay ngắn hạn	311	14	551.938.600.000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		551.938.600.000	-
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		2.262.808.264	-
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	502.182.505.400	30.518.400
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		300.000.000	300.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	13.101.501.240	60.147.940
6. Phải trả người lao động	323		5.121.012.431	623.235.752
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		6.117.200	-
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		2.262.056.415	86.916.874
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		1.886.940.219	604.885.301
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		74.481.871	65.006.207
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		3.982.645.001	985.388.184
II. Nợ phải trả dài hạn	340		42.975.976	42.975.976
1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		42.975.976	42.975.976
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		3.983.151.055.250	272.438.350.697
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.983.151.055.250	272.438.350.697
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	3.888.000.000.000	250.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.888.000.000.000	250.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.888.000.000.000	250.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		3.913.470.000	7.653.470.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		4.305.464.486	4.305.464.486
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		704.967.662	704.967.662
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		86.227.153.102	9.774.448.549
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		84.612.203.993	9.774.448.549
- Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		1.614.949.109	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.066.312.699.267	275.237.425.331


 Trần Lan Hương
 Người lập


 Võ Hồng Tuyết Nga
 Kế toán trưởng



 Vũ Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004		6.024.521.120	2.079.701.676
2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006		388.800.000	25.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008		109.000.070.000	-
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	008.1		70.000	-
<i>b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	008.3		109.000.000.000	-
4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		500.000.000.000	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	12		554.880.000.000	54.880.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		6.394.257.340.000	649.985.750.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		3.757.765.330.000	3.113.210.000
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		13.741.930.000	-
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		2.347.864.540.000	466.214.450.000
<i>d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		180.658.090.000	180.658.090.000
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		94.227.450.000	-
2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)	23		10.179.930.000	-
3. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026		223.000.076.462	622.003.236
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)</i>	027	18.1	104.484.915.252	610.576.976
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1	18.1	118.364.664.950	-
<i>c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán</i>	030	18.2	150.496.260	11.426.260
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031	18.3	222.849.580.202	610.576.976
<i>a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		222.849.580.202	610.576.976
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)	035		150.496.260	11.426.260

Trần Lan Hương
Người lập

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		3.674.164.159	24.583.563.798
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	19.1	2.059.200.000	23.507.078.498
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ FVTPL</i>	01.2	19.2	1.614.964.159	1.076.485.300
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	19.3	30.133.126.981	9.790.768.851
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	19.3	119.530.740.291	-
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	19.3	444.640.000	1.658.926.027
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		32.662.994.905	-
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		3.891.038.351	4.338.381.013
1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10		1.550.000.000	1.429.090.909
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		852.537.854	700.000
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+04+06+09+10+11)	20		192.739.242.541	41.801.430.598
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		679.589	13.307.115.281
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1		654.819	13.171.643.400
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ FVTPL</i>	21.2	19.2	15.050	88.998
<i>c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.3		9.720	135.382.883
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.323.797.261	(120.000.000)
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		994.528.625	1.631.489.822
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		44.690.327.794	655.985.909
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		4.426.613.313	233.206.743
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		2.797.920.398	1.909.993.333
2.7. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	207.253.095
Cộng chi phí hoạt động (40=21+24+26+27+30+31+32)	40		54.233.866.980	17.825.044.183

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.820.188.539	28.459.030
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)	50		1.820.188.539	28.459.030
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		3.846.073.922	-
Cộng chi phí tài chính (60=52)	60	20	3.846.073.922	-
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	21	36.475.545.598	9.902.660.496
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		100.003.944.580	14.102.184.949
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		28.356.741	7.040.280
7.2. Chi phí khác	72		(6.371.716)	(9.871.991)
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		21.985.025	(2.831.711)
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		100.025.929.605	14.099.353.238
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		98.410.990.216	13.022.956.936
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1.614.949.109	1.076.396.302
IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100	22	19.634.395.818	-
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		19.634.395.818	-
9.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		80.391.533.787	14.099.353.238
XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		(3.740.000.000)	14.680.710.000
11.1. (Lãi)/Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng	301		(3.740.000.000)	14.680.710.000
XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		271	490
12.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	23	271	490


Trần Lan Hương
Người lập


Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng




Vũ Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(7.626.744.646.162)	(166.000.000.000)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	4.347.779.570.891	140.788.588.700
3. Tiền lãi đã thu	05	123.724.721.053	9.017.497.743
4. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(5.097.032.538)	-
5. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(31.656.740.974)	(346.862.381)
6. Tiền chi trả cho người lao động	08	(43.738.694.240)	(10.111.970.024)
7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(25.526.274.338)	(1.422.558.874)
8. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10	(119.851.200)	(12.088.183.979)
9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	107.558.054.006	6.395.384.288
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(140.540.009.076)	(1.323.684.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.294.360.902.578)	(35.091.788.657)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(44.226.175.556)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	10.909.091	-
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25	444.640.000	1.597.800.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.770.626.465)	1.597.800.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.638.000.000.000	-
2. Tiền vay gốc	33	1.875.077.050.000	-
2.1. Tiền vay khác	33.2	1.875.077.050.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.323.138.450.000)	-
3.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3	(1.323.138.450.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.189.938.600.000	-
IV. Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	50	851.807.070.957	(33.493.988.657)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	44.241.762.450	77.735.751.107
- Tiền	61	241.762.450	2.235.751.107
- Các khoản tương đương tiền	62	44.000.000.000	75.500.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	896.048.833.407	44.241.762.450
- Tiền	71	896.048.833.407	241.762.450
- Các khoản tương đương tiền	72	-	44.000.000.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	13.240.481.795.720	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(19.116.784.966.600)	-
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	6.089.564.696.409	197.942.999
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(712.636.499)	(213.381.020)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	16.030.115.196	14.572.542
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(6.200.931.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	222.378.073.226	(865.479)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	622.003.236	622.868.715
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	622.003.236	622.868.715
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32	610.576.976	611.442.455
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	11.426.260	11.426.260
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40	223.000.076.462	622.003.236
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	223.000.076.462	622.003.236
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	222.849.580.202	610.576.976
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	150.496.260	11.426.260


 Trần Lan Hương
 Người lập


 Võ Hồng Tuyết Nga
 Kế toán trưởng




 Vũ Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai,
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B04-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	01/01/2023	01/01/2024	Năm trước		31/12/2023	31/12/2024
			Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.600.496.824	4.305.464.486	704.967.662	-	4.305.464.486	4.305.464.486
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	704.967.662	704.967.662	-	704.967.662	704.967.662
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	(7.027.240.000)	7.653.470.000	14.680.710.000	-	(3.740.000.000)	3.913.470.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(1.076.396.302)	9.774.448.549	14.099.353.238	(3.248.508.387)	80.391.533.787	9.774.448.549
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	-	9.774.448.549	13.022.956.936	(3.248.508.387)	78.776.584.678	9.774.448.549
5.2. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	(1.076.396.302)	-	1.076.396.302	-	1.614.949.109	-
	245.496.860.522	272.438.350.697	30.189.998.562	(3.248.508.387)	3.718.391.533.787	(7.678.829.234)
	272.438.350.697	272.438.350.697	272.438.350.697	(7.678.829.234)	272.438.350.697	3.983.151.055.250

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B04-CTCK
Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	01/01/2023	01/01/2024	Năm trước Tăng	Năm nay Giảm	31/12/2023	31/12/2024
II. Thu nhập toàn diện khác						
1. (Lãi)/Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(7.027.240.000)	7.653.470.000	14.680.710.000	-	7.653.470.000	3.913.470.000
	(7.027.240.000)	7.653.470.000	14.680.710.000	-	7.653.470.000	3.913.470.000

Trần Lan Hương
Phụ trách – Người lập

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng



Võ Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309312029 ngày 12/02/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 10/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309312029 sửa đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 11 năm 2024.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 241 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 29 người).

Công ty có trụ sở làm việc tại Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1. Công ty có hai chi nhánh là chi nhánh Hà Nội tại tầng 2, LBP Tower, Số 210 Trần Quang Khải và 17 Tổng Đán, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng tại Tầng 1, 140 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu 1, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lên 3.888.000.000.000 đồng tại ngày 17 tháng 4 năm 2024 thông qua phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("Thông tư 121") quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- f) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
- g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%); và
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo năm tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của một công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135	-	978.034	978.034
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	254.952.028	(7.163.662)	247.788.366
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	(66.333.568)	6.185.628	(60.147.940)

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	213.381.020	4.124.999.993	4.338.381.013
Thu nhập hoạt động khác	11	4.125.699.993	(4.124.999.993)	700.000
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chi phí quản lý Công ty chứng khoán	62	9.782.660.496	120.000.000	9.902.660.496

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại để điều chỉnh việc phân loại chưa đúng giữa Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và Đầu tư dài hạn khác.

Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
Bảng cân đối kế toán				
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	-	40.280.000.000	40.280.000.000
Đầu tư dài hạn khác	212.4	40.280.000.000	-	(40.280.000.000)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán khi thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc tại thời điểm ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL).

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Giá mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Các chi phí giao dịch này được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) theo giá thị trường so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ (-) đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tương tự như các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá lại hoặc chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được xác định bằng với giá gốc cộng với lãi dự thu (nếu có) hoặc theo phương pháp định giá nội bộ của Công ty.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập;
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán.

Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hoạch toán vào khoản mục "Chi phí tài chính" trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Phần mềm máy tính	3 - 5
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến năm năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán).

Thu nhập lãi từ tài sản tài chính

Thu nhập lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng

cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến phần đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc khác của Công ty.

Các quỹ

Số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5%. Theo quy định của Thông tư 114/2021/TT-BTC, Công ty sẽ không thực hiện trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế từ năm 2024. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập, Công ty sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật liên quan, sau khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Số dư quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5%. Theo quy định của Thông tư 114/2021/TT-BTC, Công ty sẽ không thực hiện trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế từ năm 2024. Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính đã được trích lập, Công ty sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	19.689.025	13.617.959
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	896.029.144.382	228.144.491
Các khoản tương đương tiền	-	44.000.000.000
	896.048.833.407	44.241.762.450

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Cổ phiếu	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của công ty chứng khoán	81.051.607	3.602.017.278.850
Cổ phiếu	50.001.607	500.058.268.850
Trái phiếu	30.090.000	3.005.804.450.000
Chứng khoán khác	960.000	96.154.560.000
Của nhà đầu tư	1.198.389.853	32.601.729.588.320
Cổ phiếu	1.198.389.853	32.601.729.588.320
	1.279.441.460	36.203.746.867.170

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết (*)	610.832.450.000	612.447.414.159	-	-
Cổ phiếu niêm yết	134.050	119.000	-	-
	610.832.584.050	612.447.533.159	-	-

(*) Trái phiếu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.090.000 trái phiếu chính phủ với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu với kỳ hạn là 10 năm đến 15 năm với mục đích kinh doanh ngắn hạn.

6.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi kỳ hạn dưới một năm (*)	270.000.000.000	171.000.000.000
	270.000.000.000	171.000.000.000

(*) Tiền gửi kỳ hạn dưới một năm là các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lọc Phát Việt Nam có kỳ hạn từ ba tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại đến dưới một năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

6.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (*)	2.613.682.657.951	-	2.613.682.657.951	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán (**)	50.604.687.073	-	50.604.687.073	-
	2.664.287.345.024	-	2.664.287.345.024	-

(*) Cho vay giao dịch ký quỹ là số dư của các hợp đồng giao dịch ký quỹ. Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ là 3.004.101.600.000 đồng, giá trị thị trường của các chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản vay giao dịch ký quỹ là 9.414.194.263.250 đồng.

(**) Ứng trước tiền bán chứng khoán là số tiền bán ứng trước cho khách hàng tại ngày giao dịch ("Ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả trong 02 ngày làm việc và Công ty được hưởng lãi suất 0,072%/ngày. Giá trị phân bổ của khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc niên độ kế toán bằng giá trị gốc do thời gian thu hồi ngắn. Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định trên cơ sở giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay này.

6.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	33.660.000.000	29.746.530.000	37.400.000.000
POT	29.746.530.000	33.660.000.000	29.746.530.000	37.400.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000
	32.626.530.000	36.540.000.000	32.626.530.000	40.280.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

6.5 Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ					
1.	Trái phiếu niêm yết	610.832.584.050	612.447.533.159	1.614.964.159	15.050	612.447.533.159
2.	Cổ phiếu niêm yết	610.832.450.000	612.447.414.159	1.614.964.159	-	612.447.414.159
		134.050	119.000	-	15.050	119.000
II.	Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	270.000.000.000	270.000.000.000	-	-	270.000.000.000
1.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm	270.000.000.000	270.000.000.000	-	-	270.000.000.000
III.	Các khoản cho vay	2.664.287.345.024	2.664.287.345.024	-	-	2.664.287.345.024
1.	Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	2.613.682.657.951	2.613.682.657.951	-	-	2.613.682.657.951
2.	Các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	50.604.687.073	50.604.687.073	-	-	50.604.687.073
IV.	Các khoản phải thu	30.927.394.391	30.927.394.391	-	-	30.927.394.391
V.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.626.530.000	36.540.000.000	3.913.470.000	-	36.540.000.000
1.	Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	33.660.000.000	3.913.470.000	-	33.660.000.000
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000
		3.608.673.853.465	3.614.202.272.574	5.528.434.159	15.050	3.614.202.272.574

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)					
1.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm	171.000.000.000	171.000.000.000	-	-	171.000.000.000
II.	Các khoản phải thu	6.914.123.554	6.914.123.554	-	-	6.914.123.554
III.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.626.530.000	40.280.000.000	7.653.470.000	-	40.280.000.000
1.	Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	37.400.000.000	7.653.470.000	-	37.400.000.000
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000
		210.540.653.554	218.194.123.554	7.653.470.000	-	218.194.123.554

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	30.529.487.998	2.769.304.110
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	3.944.819.444
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	397.906.393	200.000.000
	<u>30.927.394.391</u>	<u>6.914.123.554</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư cổ phiếu TBX (*)	5.873.671.401	5.993.671.401
Phải thu khác	1.675.100	42.525.364
	<u>5.875.346.501</u>	<u>6.036.196.765</u>

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu TBX giữa Công ty và các cá nhân phát sinh từ năm 2011. Hội đồng Quản trị đã đánh giá và lập dự phòng cho khoản phải thu này (Thuyết minh số 9).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ KHOẢN PHẢI THU

STT	Loại phải thu khó đãi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		Năm trước		Đơn vị: VND
			Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm	
1	Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn						
	Dự thu lãi cổ phiếu Cotec Group	-	3.944.819.444	(3.944.819.444)	-	-	3.944.819.444
2	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
	Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư cổ phiếu TBX	5.873.671.401	3.399.531.401	(120.000.000)	3.279.531.401	-	(120.000.000)
		5.873.671.401	7.344.350.845	(4.064.819.444)	3.279.531.401	7.464.350.845	7.344.350.845

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác liên quan đến khoản đầu tư 50.000.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ, tương đương 4,73% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai với mệnh giá 500.000.000.000 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc Thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.435.417.000	3.317.100.000	4.252.058.790	9.004.575.790
Tăng trong năm	1.374.643.481	1.038.425.896	58.238.912	2.471.308.289
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.052.883.089	-	-	17.052.883.089
Thanh lý, nhượng bán	(1.219.861.000)	-	(2.688.937.961)	(3.908.798.961)
Số dư cuối năm	<u>18.643.082.570</u>	<u>4.355.525.896</u>	<u>1.621.359.741</u>	<u>24.619.968.207</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.435.417.000	1.085.353.616	3.938.904.252	6.459.674.868
Khấu hao trong năm	1.857.318.103	435.075.666	107.924.559	2.400.318.328
Giảm do thanh lý tài sản	(1.219.861.000)	-	(2.659.267.224)	(3.879.128.224)
Số dư cuối năm	<u>2.072.874.103</u>	<u>1.520.429.282</u>	<u>1.387.561.587</u>	<u>4.980.864.972</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	2.231.746.384	313.154.538	2.544.900.922
Tại ngày cuối năm	<u>16.570.208.467</u>	<u>2.835.096.614</u>	<u>233.798.154</u>	<u>19.639.103.235</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 1.397.579.045 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.210.910.094 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.454.706.254	1.276.062.310	15.730.768.564
Tăng trong năm	17.355.599.361	-	17.355.599.361
Thanh lý	(13.795.664.504)	(1.276.062.310)	(15.071.726.814)
Số dư cuối năm	<u>18.014.641.111</u>	-	<u>18.014.641.111</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	14.229.595.326	1.276.062.310	15.505.657.636
Khấu hao trong năm	1.885.881.990	-	1.885.881.990
Thanh lý	(13.795.664.504)	(1.276.062.310)	(15.071.726.814)
Số dư cuối năm	<u>2.319.812.812</u>	-	<u>2.319.812.812</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>225.110.928</u>	-	<u>225.110.928</u>
Tại ngày cuối năm	<u>15.694.828.299</u>	-	<u>15.694.828.299</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 310.963.750 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.379.912.787 đồng).

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền lãi phân bổ trong năm	210.376.159	186.105.445
	<u>509.019.182</u>	<u>484.748.468</u>



14. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
					Số có khả năng trả nợ
					VND
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên gọi cũ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt) (*)	-	-	1.757.077.050.000	1.305.138.450.000	451.938.600.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
	-	-	1.875.077.050.000	1.323.138.450.000	551.938.600.000

(*) Thể hiện số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam theo hợp đồng vay hạn mức tín dụng có thời hạn 12 tháng từ ngày 27 tháng 6 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 với tổng hạn mức tín dụng là 1.360.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh Trái phiếu Chính phủ và tín phiếu kho bạc. Tài sản đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền là 200.000.000.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(**) Thể hiện số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ Ngân hàng Thương mại Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng vay hạn mức tín dụng có thời hạn 12 tháng từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 với tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh cổ phiếu, phục vụ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ đầu tư kinh doanh cổ phiếu và các nhu cầu vay vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh phù hợp với hoạt động của công ty chứng khoán. Khoản vay này và được đảm bảo bằng trái phiếu chính phủ với số tiền là 110.293.414.159 đồng theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các khoản vay trên chịu lãi suất 4,5% đến 9,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: không phát sinh).



15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	502.154.000.000	-
Khác	28.505.400	30.518.400
	502.182.505.400	30.518.400

(*) Số dư cuối năm là khoản phải trả mua tài sản tài chính đã thực hiện giao dịch khớp lệnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và thanh toán vào ngày 02 tháng 01 năm 2025.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp /thu trong năm VND	Số đã thực nộp /thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	246.364.942	246.364.942	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.423.424	29.755.165	28.331.741	-
	247.788.366	276.120.107	28.331.741	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	418.399.889	374.836.395	43.563.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.634.395.818	9.731.587.058	9.902.808.760
Thuế thu nhập cá nhân	60.147.940	18.725.437.492	15.630.456.446	3.155.128.986
Thuế khác	-	35.759.381	35.759.381	-
	60.147.940	38.813.992.580	25.772.639.280	13.101.501.240

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm	Số đầu năm
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	388.800.000	25.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (VND)	3.888.000.000.000	250.000.000.000

Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

18. THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

18.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	104.484.915.252	610.576.976
Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	118.364.664.950	-
	<u>222.849.580.202</u>	<u>610.576.976</u>

18.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	150.496.260	11.426.260
	<u>150.496.260</u>	<u>11.426.260</u>

18.3 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	104.484.915.252	610.576.976
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	118.364.664.950	-
	<u>222.849.580.202</u>	<u>610.576.976</u>

18.4 Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm, Tổng giám đốc Công ty đánh giá số dư liên quan đến khoản khoản phải thu tiền lãi từ Hợp tác đầu tư Cotec Group với số tiền là 3.944.819.444 đồng (Thuyết minh 9) là không thể thu hồi được nên đã thực hiện ghi giảm toàn bộ giá trị khoản phải thu nói trên bằng nguồn dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập từ các năm trước theo đúng quy định kế toán hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

19. DOANH THU

19.1 Lãi/(lỗ) từ việc bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.059.200.000	23.507.078.498
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	654.819	13.171.643.400
	2.058.545.181	10.335.435.098

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(Lỗ) bán Năm trước	
					VND	VND
	Lãi bán					
1	Cổ phiếu	-	-	-	-	23.507.078.498
2	Trái phiếu	12.000.000	1.198.512.000.000	1.196.460.000.000	2.052.000.000	-
3	Chứng khoán khác	480.000	48.080.880.000	48.073.680.000	7.200.000	-
		12.480.000	1.246.592.880.000	1.244.533.680.000	2.059.200.000	23.507.078.498
	Lỗ bán					
1	Cổ phiếu	800	28.740.000	29.394.819	(654.819)	(13.171.643.400)
		800	28.740.000	29.394.819	(654.819)	(13.171.643.400)

19.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	1.614.964.159	1.076.485.300
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	15.050	88.998
	1.614.949.109	1.076.396.302

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính theo từng loại như sau:

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay
		VND	VND	VND	VND	VND
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	610.832.584.050	612.447.533.159	1.614.949.109	-	1.614.949.109
1	Trái phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch	610.832.450.000	612.447.414.159	1.614.964.159	-	1.614.964.159
2	Cổ phiếu niêm yết	134.050	119.000	(15.050)	-	(15.050)
II.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	270.000.000.000	270.000.000.000	-	-	-
1	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	270.000.000.000	270.000.000.000	-	-	-
III.	Các khoản cho vay	2.664.287.345.024	2.664.287.345.024	-	-	-
1	Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	2.613.682.657.951	2.613.682.657.951	-	-	-
2	Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	50.604.687.073	50.604.687.073	-	-	-
IV.	Các khoản phải thu	30.927.394.391	30.927.394.391	-	-	-
V.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.626.530.000	36.540.000.000	3.913.470.000	7.653.470.000	(3.740.000.000)
1	Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	33.660.000.000	3.913.470.000	7.653.470.000	(3.740.000.000)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	-
		3.608.673.853.465	3.614.202.272.574	5.528.419.109	7.653.470.000	(2.125.050.891)

19.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM	30.133.126.981	9.790.768.851
Từ các khoản cho vay và phải thu	119.530.740.291	-
Từ tài sản tài chính AFS	444.640.000	1.658.926.027
	150.108.507.272	11.449.694.878

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính trong năm thể hiện chi phí lãi vay ngân hàng.

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.610.873.529	6.336.263.327
- Lương và các khoản phúc lợi	20.836.097.379	5.823.184.327
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.774.776.150	513.079.000
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	591.325.778	347.095.269
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.146.507.915	544.676.370
Chi phí thuế, phí và lệ phí	20.861.255	21.043.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.485.105.727	1.663.779.591
Chi phí khác	620.871.394	989.801.940
	36.475.545.598	9.902.660.496

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	100.025.929.605	14.099.353.238
Trừ: Thu nhập không tính thuế	(2.059.589.109)	(14.832.879.740)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.198.580.221	733.526.502
Chuyển lỗ	(992.941.625)	-
Thu nhập tính thuế	98.171.979.092	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	19.634.395.818	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển lỗ toàn bộ cho khoản lỗ tính thuế còn lại với số tiền 992.941.625 đồng (Năm trước: 12.158.594.440 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không còn khoản lỗ tính thuế nào chưa sử dụng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 992.941.625 đồng).

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	80.391.533.787	14.099.353.238
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.938.829.234)	(1.838.573.063)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	76.452.704.553	12.260.780.175
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	282.443.169	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	271	490

24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được trình bày dựa trên những thông tin đánh giá từ Tổng Giám đốc.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu, các khoản cho vay và tài sản khác.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

- Rủi ro lãi suất

Công ty có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay của Công ty.

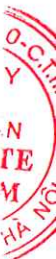
Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn, nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

- Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam, do đó rủi ro tiền tệ không đáng kể.

- Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu, trái phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục đầu tư này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán.



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91”) có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Thông tư 91 quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 3.572,38%.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm	7.655.281.273	403.376.160

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	15.575.551.068	880.093.440
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	55.646.642.080	4.400.467.200
	71.222.193.148	5.280.560.640

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Các bên liên quan

Bà Phạm Thu Hằng

Ông Ngô Quyết Tiến

Bà Vũ Thanh Huệ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam

(trước ngày 15 tháng 7 năm 2024 có tên gọi là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)

Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội

Công ty Hyperion Ventures Sdn Bhd

Công ty Cổ phần Thaiholdings

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phiếu

Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phiếu

Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phiếu

Cổ đông lớn là tổ chức sở hữu từ

5% số cổ phiếu

Tổ chức liên quan của người nội bộ

Tổ chức liên quan của người nội bộ

Thành viên chủ chốt là cổ đông lớn của công ty

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu		
Bà Vũ Thanh Huệ	758.381.000.000	-
Ông Ngô Quyết Tiến	697.420.000.000	-
Bà Phạm Thu Hằng	500.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	200.090.000.000	-
	2.155.891.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	30.074.633.830	9.790.768.851
Doanh thu từ quản lý cổ đông	2.879.032.263	4.000.000.000
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	750.000.000	1.309.090.909
Lãi vay	3.727.207.880	-
Mua hàng	2.056.803.971	-
Thuê văn phòng	3.390.550.383	-
Bán trái phiếu	-	12.000.000.000
Lãi trái phiếu	-	61.126.027
	42.878.228.327	27.160.985.787
Công ty Cổ phần Tôn Dẫn Hà Nội		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.061.783.877	-
Thuê văn phòng	4.317.378.492	-
	5.379.162.369	-
Công ty Hyperion Ventures Sdn Bhd		
Phí tư vấn	442.937.040	-
	442.937.040	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam		
Tiền gửi không kỳ hạn cuối năm	895.883.380.595	189.789.599
Các khoản tương đương tiền	-	44.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn cuối năm	220.000.000.000	171.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	936.876.713	2.769.304.110
Vay ngắn hạn	451.938.600.000	-
Lãi vay phải trả	118.866.042	-
Ứng trước phí quản lý cổ đông	-	(505.376.345)
Phí dịch vụ tư vấn	-	200.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phạm Phú Khôi	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26/09/2024)	60.000.000	-
Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/09/2024)	180.000.000	14.193.548
Bà Vũ Thanh Huệ	Phó Chủ tịch	180.000.000	116.451.613
Ông Yew Teong Soon Alan	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024)	120.000.000	7.096.774
Ông Nguyễn Huy Du	Thành viên độc lập (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2024)	40.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024) Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2024, miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024), Quyền Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 01 năm 2024)	2.846.560.000	-
Bà Phạm Thu Hằng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	80.000.000	-
Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	80.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Miễn nhiệm Chủ tịch từ ngày 28 tháng 8 năm 2023, miễn nhiệm Thành viên ngày 9 tháng 12 năm 2023	-	1.950.903.226
Ông Huỳnh Văn Phát	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2023)	-	1.180.686.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2023)	-	169.354.839
Ông Dương Công Vịnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2023)	-	112.903.226
Ông Nguyễn Văn Huỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)	-	40.000.000
		3.586.560.000	3.591.589.226
Ban kiểm soát			
Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Bùi Lê Quang	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	80.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên	60.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	40.000.000	-
Bà Dư Thị Hải Yến	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)	40.000.000	80.000.000
Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)	20.000.000	40.000.000
Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)	-	40.000.000
Ông Trần Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)	-	20.000.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)	-	20.000.000
		240.000.000	240.000.000

27. SỰ KIỆN SAU NIÊN ĐỘ

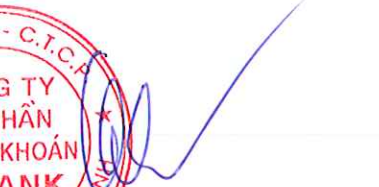
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Lan Hương
Người lập



Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

